TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên; ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 2000; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người được bị đơn ủy quyền giao nhận văn bản*: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số B, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại UBND xã T, huyện G, Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh D chung sống ở thôn Đ, xã T, huyện

G, Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do kinh tế khó khăn nên từ năm 2022 anh D đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Từ khi anh D sang Đài Loan do vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự tin tưởng, quan tâm bên dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt. Chị thấy tình trạng hôn nhân như vậy đã trực tiếp trao đổi với anh D, anh D nhất trí ly hôn. Tháng 6/2024 anh D về nghỉ phép, tuy nhiên do thời gian anh D ở nhà không được nhiều nên anh chị chưa kịp làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, anh D đã làm bản tự khai và ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh H thay anh D giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Đầu tháng 7/2024 anh D lại sang Đài Loan. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục được nữa nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Khánh V sinh ngày 24/01/2021, hiện nay con chung đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2022 anh đi lao động ở Đài Loan, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh và chị T đã trao đổi và thống nhất sẽ ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Đến nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Khánh V sinh ngày 24/01/2021. Hiện anh đang ở nước ngoài nên con chung hoàn toàn do chị T chăm sóc. Điều kiện, môi trường sống đã ổn định nên anh nhất trí để chị T nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thực hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh H thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu với Tòa án.

Người được bị đơn ủy quyền giao nhận văn bản anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh đã được Tòa án giao cho các văn bản tố tụng, anh đã thông báo cho anh D được biết. Anh Dũng vẫn giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án cho anh D được vắng mặt toàn bộ quán trình tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt ghi giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức D; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh V, sinh ngày 24/01/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà,

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã T, huyện G, Hải Dương hiện anh đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh D không có mặt ở Việt Nam tại thời Tòa án thụ lý, giải quyết nhưng anh D đã gửi bản tự khai, đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh H nộp đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền của anh D được công chứng. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm của anh D là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 19/01/2021 tại UBND xã T, huyện G, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị T, anh D có cơ sở xác định quá trình anh chị chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau thiếu sự quan tâm, tin tưởng, tình cảm không còn. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Anh Dũng cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh D có 01 con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 24/01/2021, hiện nay con chung đang ở với chị T. Chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh Dũng trình bày nhất trí quan điểm của chị T. Hội đồng xét xử thấy hiện con chung đang ở chị T, chị T đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con, anh D đang lao động ở nước ngoài nên điều kiện trực tiếp chăm sóc con bị hạn chế. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Nguyễn Khánh V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 24/01/2021 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Đức D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000830 ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Thanh H nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, G;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy